

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06 /2016/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 04 tháng 4 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng hệ đường,

SỞ TƯ PHÁP QUẢNG NAM lòng đường, lề đường, dải phân cách, bến, bãi, mặt nước
trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

ĐẾN Số: 1003
06-04-2016
Ngày:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và Lệ phí ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 187/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, kỳ họp thứ 15 về quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng hệ đường, lòng đường, lề đường, bến, bãi, mặt nước;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 107/TTr-STC ngày 11/3/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng hệ đường, lòng đường, lề đường, dải phân cách, bến, bãi, mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, với các nội dung chính như sau :

1. Phí sử dụng hệ đường, lòng đường, lề đường, dải phân cách, bến, bãi, mặt nước là khoản thu thuộc ngân sách Nhà nước đối với các tổ chức, cá nhân, đơn vị được phép sử dụng hệ đường, lòng đường, lề đường, dải phân cách thuộc các tuyến giao thông; các bến, bãi, mặt nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh, lắp đặt bảng quảng cáo, tập kết vật liệu, thi công công trình phù hợp với quy hoạch, kế hoạch và quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng hệ đường, lòng đường, lề đường, bến, bãi, mặt nước.

2. Phạm vi áp dụng

a) Áp dụng đối với hè đường, lòng đường, lề đường, dải phân cách thuộc các tuyến giao thông; các bến, bãi, mặt nước không thuộc trường hợp Nhà nước cho thuê đất hoặc giao quyền sử dụng đất.

b) Không áp dụng đối với các trường hợp sau:

- Các tuyến giao thông, bến, bãi, nhà ga, sân bay, chợ đã cho các cá nhân, tổ chức thuê và tự quản lý.
- Sử dụng tạm thời cho việc đám cưới, đám tang.
- Đặt pano, băng rôn, khẩu hiệu, phướn phục vụ công tác tuyên truyền, cổ động trực quan của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội.

3. Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cá nhân, đơn vị được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép sử dụng tạm thời hoặc lâu dài hè đường, lòng đường, lề đường, dải phân cách; bến, bãi, mặt nước (không thuộc trường hợp Nhà nước cho thuê đất hoặc giao quyền sử dụng đất) vào mục đích sản xuất, kinh doanh, lắp đặt bảng quảng cáo, tập kết vật liệu, thi công công trình phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Cơ quan thu phí:

a) Cơ quan thu phí sử dụng hè đường, lòng đường, lề đường, dải phân cách, bến, bãi, mặt nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh, tập kết vật liệu, thi công công trình, gồm:

- Sở Giao thông vận tải thu phí đối với trường hợp cấp Giấy phép cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng hè đường, lòng đường, lề đường, dải phân cách; bến, bãi, mặt nước thuộc quyền quản lý theo phân cấp.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thu hoặc ủy quyền thu đối với trường hợp cấp Giấy phép cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng hè đường, lòng đường, lề đường, dải phân cách; bến, bãi, mặt nước theo phân cấp quản lý.

b) Cơ quan thu phí sử dụng hè đường, lòng đường, lề đường, dải phân cách, bến, bãi, mặt nước vào mục đích lắp đặt bảng quảng cáo: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5. Mức thu

a) Đối với sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh, tập kết vật liệu, thi công công trình (Khu vực thành thị là khu vực thuộc địa bàn các phường, thị trấn; khu vực nông thôn là khu vực thuộc địa bàn các xã còn lại):

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	
			Khu vực thành thị	Khu vực nông thôn
1	Tập kết vật liệu, phế thải xây dựng, thi công công trình	Đồng/m ² /ngày	7.000	5.000
2	Trông giữ xe đạp, xe máy			
a)	Sử dụng tạm thời	Đồng/m ² /ngày	2.000	1.000
b)	Sử dụng lâu dài (trên 15 ngày)	Đồng/m ² /tháng	25.000	15.000

3	Sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thường xuyên (cả ban ngày và ban đêm)	Đồng/m ² /tháng	25.000	15.000
	Riêng, sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thường xuyên (cả ban ngày và ban đêm) trong khu vực phố cổ thuộc phường Minh An, thành phố Hội An	Đồng/m ² /tháng	40.000	

Trường hợp, thời gian sử dụng không liên tục trong cả ngày (chỉ sử dụng một buổi), thì thu bằng 50% mức thu nêu trên.

b) Đối với sử dụng vào mục đích lắp đặt bảng quảng cáo (Khu vực thành thị là khu vực thuộc địa bàn các phường, thị trấn; khu vực nông thôn là khu vực thuộc địa bàn các xã còn lại):

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	
			Khu vực thành thị	Khu vực nông thôn
I.	Đặt bảng, biển, panô, hộp đèn quảng cáo			
1.	Đối với tuyến quốc lộ			
a)	Bảng, biển, panô, hộp đèn quảng cáo và các hình thức tương tự khác có diện tích một mặt dưới 40m ²	đ/m ² /năm	50.000	40.000
b)	Bảng, biển, panô, hộp đèn quảng cáo và các hình thức tương tự khác có diện tích một mặt từ 40m ² trở lên	đ/m ² /năm	60.000	50.000
2.	Đối với các tuyến tỉnh lộ			
a)	Bảng, biển, panô, hộp đèn quảng cáo và các hình thức tương tự khác có diện tích một mặt dưới 40m ²	đ/m ² /năm	40.000	35.000
b)	Bảng, biển, panô, hộp đèn quảng cáo và các hình thức tương tự khác có diện tích một mặt từ 40m ² trở lên	đ/m ² /năm	50.000	40.000
3.	Đối với tuyến giao thông do cấp huyện, cấp xã quản lý			
a)	Bảng, biển, panô, hộp đèn quảng cáo và các hình thức tương tự khác có diện tích một mặt dưới 40m ²	đ/m ² /năm	30.000	25.000
b)	Bảng, biển, panô, hộp đèn quảng cáo và các hình thức tương tự khác có diện tích	đ/m ² /năm	40.000	30.000

	một mặt từ 40m ² trở lên			
4.	Đôi với bên, bãi, mặt nước	đ/m ² /năm	40.000	30.000
II.	Đặt quảng cáo bằng hình thức băng rôn; phướn			
1.	Hình thức băng rôn	đ/tấm/đợt	40.000	30.000
2.	Hình thức phướn	đ/tấm/đợt	25.000	20.000

6. Phí sử dụng hè đường, lòng đường, lề đường, dải phân cách, bến, bãi, mặt nước được quản lý sử dụng, như sau:

a) Cơ quan thu phí được trích lại 30% số tiền phí thu được để trang trải các khoản chi phí phục vụ hoạt động thu phí.

b) Nộp ngân sách Nhà nước 70% số tiền phí thu được theo phân cấp nguồn thu hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan thu có trách nhiệm:

a) Tổ chức thu, nộp phí theo đúng quy định tại quyết định này; niêm yết công khai tại nơi thu phí về đối tượng thu phí và mức thu; khi thu phí phải lập và cấp chứng từ thu phí cho đối tượng nộp phí theo quy định hiện hành.

b) Mở sổ sách kế toán để theo dõi, ghi chép, hạch toán việc thu, nộp, quản lý và sử dụng số tiền phí thu được theo chế độ kế toán hiện hành của Nhà nước.

c) Đăng ký, kê khai, thu, nộp phí với cơ quan Thuế trực tiếp quản lý và quản lý, sử dụng số phí được trích lại theo đúng quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phí, lệ phí và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC.

d) Hằng năm, lập dự toán thu, chi tiền phí gửi cơ quan Tài chính cùng cấp thẩm định; thực hiện quyết toán việc sử dụng biên lai thu phí, số tiền phí thu được, số tiền phí để lại đơn vị, số tiền phí phải nộp ngân sách, số tiền phí đã nộp ngân sách và số tiền phí còn phải nộp ngân sách Nhà nước với cơ quan Thuế trực tiếp quản lý; quyết toán việc sử dụng số tiền phí được trích để lại với cơ quan Tài chính cùng cấp.

2. Kho bạc Nhà nước tỉnh chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện nộp vào ngân sách địa phương phần còn lại (sau khi trừ đi số phí trích để lại cho đơn vị thu) theo quy định hiện hành về phân cấp nguồn thu ngân sách Nhà nước.

3. Cơ quan Thuế chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, quyết toán việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí.

4. Các trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn và Thông tư số 186/2013/TT-BTC ngày 05/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý phí, lệ phí.

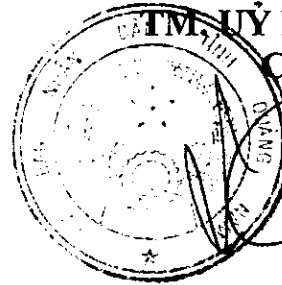
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 24/2007/QĐ-UBND ngày 14/8/2007 của UBND tỉnh Quảng Nam.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Giao thông vận tải, Tư pháp, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân và thủ trưởng cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /*sg*

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính (b/c);
- Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TTTU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các TV UBND tỉnh;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- CPVP;
- TT Tin học-Công báo tỉnh;
- Báo Q. Nam, Đài PTTH Q.Nam;
- Lưu: VT, TH, KTN, NC, VX, KTTH (Mỹ).

(D:\Mỹ\QuyếtđịnhPQ2005\qd phí sử dụng lễ đường, bến bãi 2016.doc)



HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ VÀO SỬ DỤNG
CHỦ TỊCH

Đình Văn Thu



